

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
KHÁNH HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 10

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 4
(Tên cơ sở giáo dục): TRƯỜNG THCS KHÁNH HỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Hạnh Kiêm/Rèn luyện	797	234	219	166	178
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	736/ 92.34%	221/ 94.44%	195/ 89.04%	153/ 92.17%	167/ 93.82%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57/ 7.15%	13/ 5.56%	21/ 9.59%	13/ 7.83%	10/ 5.62%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	04/ 0.51%	00/ 0.00%	03/ 1.37%	00/ 0.00%	01/ 0.56%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
II	Số học sinh chia theo Học Lực/Học tập	797	234	219	166	178
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	325/ 40.78%	103/ 44.02%	75/ 34.24%	57/ 34.34%	90/ 50.56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	308/ 38.65%	93/ 39.74%	86/ 39.27%	66/ 39.76%	63/ 35.39%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	156/ 19.57%	34/ 14.53%	54/ 24.66%	43/ 25.9%	25/ 14.04%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	08/ 1.00%	04/ 1.71%	04/ 1.83%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	797	234	219	166	178
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	789/ 99.00%	230/ 98.29%	215/ 98.17%	166/ 100%	178/ 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	67/ 8.41%	32/ 13.68%	19/ 8.68%	16/ 9.64%	/
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	256/ 32.12%	69/ 29.49%	56/ 25.57%	41/ 24.7%	90/ 50.56%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	63/ 7.91%	/	/	/	63/ 35.39%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	08/ 1.00%	04/ 1.71%	04/ 1.83%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%



4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/45	2/14	1/16	0/8	2/7
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	84	15	21	15	33
1	Cấp Quận	78	15	21	15	27
2	Cấp Thành phố	6	0	0	0	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	178	0	0	0	178
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	178	0	0	0	178
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	90/ 50.56%	0	0	0	90/ 50.56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	63/ 35.39%	0	0	0	63/ 35.39%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	25/ 14.04%	0	0	0	25/ 14.04%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	412/385	127/107	115/104	85/81	85/93
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	27	11	05	04	07

Quận 4, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trường Chinh

